

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định /QĐ-ĐHKTQD ngày tháng năm 2021 của Hiệu trưởng)

1. THÔNG TIN CHUNG

CHƯƠNG TRÌNH/PROGRAMME: TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO /LEVEL OF EDUCATION:	CỬ NHÂN KINH DOANH NÔNG NGHIỆP/BACHELOR OF AGRICULTURAL BUSINESS ĐẠI HỌC/UNDERGRADUATE
NGÀNH ĐÀO TẠO/MAJOR:	KINH DOANH NÔNG NGHIỆP
MÃ NGÀNH/CODE:	52620114
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO /TYPE OF EDUCATION:	CHÍNH QUY/FULL - TIME
NGÔN NGỮ ĐÀO TẠO /LANGUAGE	TIẾNG VIỆT/VIETNAMESE
THỜI GIAN ĐÀO TẠO/DURATION TIME	4 NĂM/ 4 YEARS

2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ ĐỊNH HƯỚNG NƠI LÀM VIỆC SAU TỐT NGHIỆP

2.1. Mục tiêu đào tạo

Mã hóa (Code)	Mục tiêu (Objectives)	Mô tả (Description)
PG1	Về kiến thức	Cử nhân Kinh doanh nông nghiệp được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về kinh tế xã hội, quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức chuyên sâu về kinh doanh nông nghiệp và kinh tế nông nghiệp; Quản trị kinh doanh, Phát triển nông nghiệp, nông thôn trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế. Vận dụng các lý thuyết và mô hình kinh doanh được trang bị vào việc phân tích, đánh giá và giải thích các vấn đề thực tiễn về hoạt động kinh doanh nông nghiệp. Vận dụng các kiến thức về xây dựng khung phân tích, đánh giá và ra quyết định trong hoạt động kinh doanh

Mã hóa (Code)	Mục tiêu (Objectives)	Mô tả (Description)
		của các tổ chức/ doanh nghiệp nông nghiệp trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế.
PG2	Về kỹ năng	Có khả năng sử dụng công cụ cơ bản trong phân tích kinh tế và kinh doanh, sử dụng được các phần mềm hiện đại chuyên dùng trong phân tích kinh tế và kinh doanh ... hỗ trợ cho công việc phân tích kinh tế và kinh doanh. Có kỹ năng thực hiện nghiên cứu, kỹ năng phân tích, tổng hợp, khái quát để giải quyết các vấn đề trong hoạt động kinh doanh nông nghiệp. Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm để giải quyết hiệu quả công việc, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy để giải quyết tốt các vấn đề trong thực tiễn. Kỹ năng sử dụng tin học, ngoại ngữ giao tiếp và chuyên ngành thành thạo để giải quyết các công việc chuyên môn.. Có khả năng phân tích thị trường và tổ chức sản xuất - kinh doanh các ngành hàng nông sản đáp ứng nhu cầu của thị trường và phát triển bền vững. Có kỹ năng phân tích, hoạch định và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao trong lĩnh vực kinh tế; xã hội và kinh doanh nông nghiệp... Có bản lĩnh nghề nghiệp, có khả năng thích ứng linh hoạt trước diễn biến của thực tiễn. Có kỹ năng xác định và giải quyết vấn đề trong phạm vi chuyên môn, sáng tạo trong công việc, cập nhật kiến thức, độc lập nghiên cứu và tự học để đáp ứng yêu cầu của công việc.
PG3	Về năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm	Cử nhân ngành Kinh doanh nông nghiệp có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; tôn trọng và chấp hành pháp luật, có ý thức tổ chức kỷ luật; năng động, nhiệt huyết và luôn có tinh thần hợp tác và trách nhiệm với công việc. Có năng lực dẫn dắt và ảnh hưởng về chuyên môn trong các hoạt động kinh doanh nông nghiệp; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau và có khả năng đưa ra các kết luận về các vấn đề trong lĩnh vực kinh doanh nông nghiệp chuyên sâu của mình. Có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để tiếp tục học cao hơn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn.

2.2. Về nơi làm việc sau khi tốt nghiệp

Cử nhân ngành kinh doanh nông nghiệp có khả năng làm việc tại các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức xã hội, tổ chức tài chính - ngân hàng, quỹ đầu tư... với chức danh như chuyên viên kinh doanh, chuyên viên nghiên cứu, phân tích và đánh giá thị trường và chuỗi giá trị nông sản, chuyên viên phát triển thị trường nông sản, nhà quản trị kinh doanh nông nghiệp v.v. . Các cơ quan nghiên cứu khoa học và các đơn vị đào tạo có liên quan đến nông nghiệp. Tự khởi nghiệp kinh doanh nông nghiệp (Start up).

Cử nhân ngành kinh doanh nông nghiệp sau khi tích lũy kinh nghiệm có khả năng trở thành giám đốc kinh doanh, trưởng các bộ phận chức năng kinh doanh sản phẩm nông nghiệp, phụ trách trung tâm kinh doanh và xúc tiến sản phẩm nông sản tại cơ quan quản lý nhà nước v.v.

Cử nhân ngành kinh doanh nông nghiệp nếu tiếp tục con đường học thuật, nghiên cứu và được đào tạo ở trình độ sau đại học: có khả năng học tập nâng cao trình độ và nghiên cứu khoa học độc lập bậc sau đại học về chuyên ngành: KDNN; Quản trị kinh doanh; Kinh tế nông nghiệp; Quản trị ngân hàng; Quản trị tài chính; Chính sách công...có thể trở thành giảng viên về kinh doanh nông nghiệp, cán bộ nghiên cứu của cơ sở đào tạo về kinh tế và quản trị kinh doanh.

3. CHUẨN ĐẦU RA

STT	MÃ	Chuẩn đầu ra	Mức độ
I		KIẾN THỨC	
1.	PLO1	Vận dụng kiến thức cơ bản về lý luận chính trị Triết học Mác Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, CNXH khoa học, tư tưởng HCM và Lịch sử Đảng CSVN, hiểu biết về pháp luật Việt Nam vào phân tích và giải quyết các vấn đề kinh tế-xã hội trong thực tiễn.	3/6
2.	PLO2	Vận dụng các kiến thức toán kinh tế, xác suất thống kê, tin học, các nguyên lý cơ bản của kinh tế thị trường, tài chính tiền tệ và quản lý học vào giải thích và phân tích các vấn đề về kinh tế cơ bản của nền kinh tế.	3/6
3.	PLO3	Có kiến thức an ninh quốc phòng và kiến thức giáo dục thể chất để tự rèn luyện về thể chất.	3/6
4.	PLO4	Vận dụng được kiến thức về nguyên lý kế toán, thống kê, marketing, pháp luật và công nghệ trong phân tích các hoạt động kinh doanh nông nghiệp.	3/6
5.	PLO5	Hiểu một cách hệ thống đồng bộ các lý thuyết quản trị kinh doanh trong nông nghiệp, vận dụng và thực hiện được các phân tích từ cơ bản cho đến chuyên sâu về các vấn đề trong hoạt động kinh doanh nông nghiệp.	4/6

STT	MÃ	Chuẩn đầu ra	Mức độ
6.	PLO6	Phân tích được mối quan hệ của các điều kiện nguồn lực tài nguyên thiên nhiên, bối cảnh môi trường kinh tế - xã hội, dân số - lao động, kinh tế quốc tế và hành vi của các tác nhân trong nền kinh tế có ảnh hưởng đến các hoạt động kinh doanh nông nghiệp.	3/6
7.	PLO7	Vận dụng các lý thuyết và mô hình kinh doanh được trang bị vào việc phân tích, đánh giá và giải thích các vấn đề thực tiễn về hoạt động kinh doanh nông nghiệp.	4/6
8.	PLO8	Vận dụng các kiến thức về xây dựng khung phân tích, đánh giá và ra quyết định trong hoạt động kinh doanh của các tổ chức/ doanh nghiệp nông nghiệp trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế.	4/6
II		KỸ NĂNG	
9	PLO9	Có khả năng sử dụng công cụ cơ bản trong phân tích kinh tế và kinh doanh, sử dụng được các phần mềm hiện đại chuyên dùng trong phân tích kinh tế và kinh doanh ... hỗ trợ cho công việc phân tích kinh tế và kinh doanh.	4/5
10	PLO10	Có kỹ năng thực hiện nghiên cứu, kỹ năng phân tích, tổng hợp, khái quát để giải quyết các vấn đề trong hoạt động kinh doanh nông nghiệp.	4/5
11	PLO11	Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm để giải quyết hiệu quả công việc, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy để giải quyết tốt các vấn đề trong thực tiễn.	3/5
12	PLO12	Kỹ năng sử dụng tin học, ngoại ngữ giao tiếp và chuyên ngành thành thạo để giải quyết các công việc chuyên môn (CĐR áp dụng tại Trường ĐHKQTĐ với tin học là chứng chỉ tin học quốc tế IC3, ngoại ngữ là chứng chỉ quốc tế tương đương IELTS 5.5).	4/5
III		NĂNG LỰC TỰ CHỦ TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM	
13	PLO13	Cử nhân ngành Kinh doanh nông nghiệp có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; tôn trọng và chấp hành pháp luật trong hoạt động nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật; năng động, nhiệt huyết và luôn có tinh thần hợp tác và trách nhiệm với công việc	4/5
14	PLO14	Có năng lực dẫn dắt và ảnh hưởng về chuyên môn trong các hoạt động kinh doanh nông nghiệp; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau và có khả năng đưa ra các kết luận về các vấn đề trong lĩnh vực kinh doanh nông nghiệp chuyên sâu của mình.	3/5
15	PLO15	Có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để tiếp tục học cao hơn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn	3/5

**Ghi chú: Điểm mức độ yêu cầu theo thang năng lực Bloom: Kiến thức (1-6), Dave: kỹ năng*

(1-5), Krathwohl: Đạo đức và trách nhiệm (1-5).

4. TIÊU CHÍ TUYỂN SINH

Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân bậc đại học hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Thời gian đào tạo thiết kế là 04 năm, sinh viên có thể tốt nghiệp sớm hoặc muộn theo quy định.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp (theo Thông tư 08/2021)

i. Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp có đủ các điều kiện sau:

- a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học của chương trình đào tạo;
- b) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
- c) Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng – An ninh và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất;
- d) Hoàn thành “Tuần sinh hoạt công dân – sinh viên” và đạt điểm đánh giá rèn luyện theo quy định đối với sinh viên đại học chính quy;
- e) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

ii. Trong thời hạn 03 tháng tính từ thời điểm sinh viên đáp ứng đầy đủ điều kiện tốt nghiệp và hoàn thành nghĩa vụ học phí, lệ phí theo quy định.

6. CẤU TRÚC CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

6.1. Cấu trúc cơ bản

Bảng 1. Các khối kiến thức trong CTĐT

Kiến thức	Số TC	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương	44	
1.1. Các học phần chung	20	Khoa học chính trị và Ngoại ngữ
1.2. Các học phần của Trường	12	04 học phần bắt buộc của Trường
1.3. Các học phần của ngành	12	04 học phần bắt buộc của lĩnh vực
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	84	
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	15	05 học phần bắt buộc của nhóm ngành
2.2. Kiến thức ngành	41	
2.2.1. Các học phần bắt buộc	26	

Kiến thức	Số TC	Ghi chú
2.2.2. Các học phần tự chọn	15	SV tự chọn 15 tín chỉ (5 học phần)
2.3. Kiến thức chuyên sâu	18	SV tự chọn 18 tín chỉ (6 học phần)
2.4. Chuyên đề thực tập	10	
TỔNG SỐ	128	Không kể GDQP&AN và GDTC

6.2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy

- Nội dung cần đạt được, khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận/Thực hành/Tự học) của từng học phần trong chương trình được mô tả ở đề cương chi tiết mỗi học phần.

- Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy (dự kiến 08 học kỳ, mỗi kỳ 12-18 tín chỉ) được mô tả theo bảng dưới đây:

Bảng 2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung chương trình (CTĐT Ngành Kinh doanh nông nghiệp)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã học phần ĐK tiên quyết
	1. Kiến thức giáo dục đại cương			44		
	1.1. Các học phần chung			20		
1	1	Triết học Mác – Lê Nin Marxist-Leninist Philosophy	LLNL1105	3	I	
2	2	Kinh tế chính trị Mác – Lê Nin Political Economics of Marxism and Leninism	LLNL1106	2	II	
3	3	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	LLNL1107	2	II	
4	4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Communist Party History	LLSD1102	2	III	
5	5	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	LLDL1101	2	III	
	6	Ngoại ngữ Foreign Language	NNKC	9	I-II-III	
	7	Giáo dục Thể chất Physical Education	GDTC	4		
	8	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Military Education	GDQP	8-11		
	1.2. Các học phần của Trường			12		

STT	Nội dung chương trình (CTĐT Ngành Kinh doanh nông nghiệp)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã học phần ĐK tiên quyết
6	1	Kinh tế Vi mô 1 Microeconomics 1	KHMI1101	3	I	
7	2	Kinh tế Vĩ mô 1 Macroeconomics 1	KHMA1101	3	II	
8	3	Pháp luật Đại cương Fundamentals of Laws	LUCS1129	3	I	
9	4	Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for Economics	TOCB1110	3	I	
1.3. Các học phần của ngành (cùng lĩnh vực)				12		
10	1	Quản trị kinh doanh 1 Business Management 1	QTTH1102	3	III	
11	2	Lý thuyết xác suất và thống kê toán Probability and Mathematical Statistics	TOKT1106	3	II	
12	3	Thương mại điện tử căn bản Fundamentals Electronic Commerce	TMQT1132	3	III	
13	4	Kinh tế Nông nghiệp 1 Agricultural Economics 1	TNKT1116	3	IV	KHMI1101
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				84		
2.1. Kiến thức cơ sở ngành (cùng nhóm ngành)				15		
14	1	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	KTKE1101	3	II	
15	2	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh Statistics in Economics and Business	TKKD1129	3	III	
16	3	Pháp luật kinh doanh Business Law	LUKD1118	3	IV	
17	4	Lý thuyết tài chính tiền tệ Monetary and Financial Theories	NHLT1107	3	III	
18	5	Kinh tế quốc tế International Economics	TMKQ1123	3	IV	

STT	Nội dung chương trình (CTĐT Ngành Kinh doanh nông nghiệp)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã học phần ĐK tiên quyết
	2.2. Kiến thức ngành			41		
	2.2.1 Các học phần bắt buộc			26		
19	1	Kinh doanh nông nghiệp I Business Agricultural I	TNKT	3	V	KHMI1101
20	2	Kinh doanh nông nghiệp II Business Agricultural II	TNKT	3	VI	TNKT 1160
21	3	Quản trị chuỗi cung ứng kinh doanh nông nghiệp Agribusiness Supply Chain Management	TNKT	3	V	KHMI1101
22	4	Marketing nông nghiệp Agricultural Marketing	TNKT1130	3	V	KHMI1101
23	5	Công nghệ Nông nghiệp I Agricultural Technology I	TNKT	3	IV	KHMI1101
24	6	Công nghệ Nông nghiệp II Agricultural Technology II	TNKT	3	IV	TNKT 1150
25	7	Đạo đức và trách nhiệm trong kinh doanh Nông nghiệp Ethics and Responsibility in Agricultural Business	TNKT	3	IV	KHMI1101
26	8	Phân tích chính sách nông nghiệp nông thôn Rural and agricultural policy analysis	TNKT1116	3	V	
27	9	Đề án môn học ngành Kinh doanh nông nghiệp Essay on Agricultural Business	TNKT	2	VI	KHMI1101
	2.2.2 Các học phần tự chọn (SV tự chọn 05 học phần trong tổ hợp)			15		
28 29 30 31 32	1	Phân tích kinh doanh Business Analysis	KTQT1107	3	IV	
	2	Kinh doanh quốc tế International Business	TMKD1128	3		
	3	Tài chính doanh nghiệp Corporate Finance	NHTC1109	3		
	4	Marketing công nghệ số Digital Marketing	MKBH1116	3		

STT	Nội dung chương trình (CTĐT Ngành Kinh doanh nông nghiệp)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã học phần ĐK tiên quyết
	5	Kinh tế tài nguyên Natural Resources Economics	TNTN1135	3	IV	
	6	Kinh tế học biến đổi khí hậu Climate Change Economics	MTKH1103	3		
	7	Quản lý Nhà nước về đất đai 1 Land Administration 1	TNDC1130	3		
	8	Kinh doanh Logistics Logistics Business (Đưa lên MTKDNN)	TMKT1121	3	V	
	9	Giao dịch và đàm phán kinh doanh Business Communication and Negotiation	TMKT1134	3	V	
	10	Kế hoạch Kinh doanh Business Planning	PTKT 1109	3		KHMI1101
33 34 35 36 37 38	2.3	Kiến thức chuyên sâu SV chọn 6 học phần trong tổ hợp		18		
	1	Thị trường nông sản thế giới International trade on agricultural product	TNKT1128	3	V	KHMI1101
	2	Thị trường BĐS Real Estate Market	BDKT1130	3		
	3	Quản trị thương hiệu Brand management	MKTT1114	3	VI	
	4	Du lịch sinh thái Ecotourism	DLLH1130	3		
	5	Khởi nghiệp kinh doanh nông nghiệp AgriBusiness Entrepreneurship	TNKT	3		
	6	Dự án đầu tư kinh doanh nông nghiệp Agribusiness Investment Project	TNKT	3	VII VII	KHMI1101
	7	Quản trị kinh tế hộ và trang trại Household Economics and Farm Management	TNKT	3		KHMI1101
	8	Quản trị chiến lược Strategic Management	QTKD1103	3		KHMI1101
	9	Quy hoạch phát triển nông thôn	TNKT1144	3		KHMI1101

STT	Nội dung chương trình (CTĐT Ngành Kinh doanh nông nghiệp)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã học phần ĐK tiên quyết
		Rural Development Planning				
	10	Quản trị rủi ro Risk Management	NHTM1114	3		
	11	Tiếng anh ngành nông nghiệp English for Agricultural	TNKT	3		KHMI1101
	12	Quản trị kinh doanh nông nghiệp Agricultural Business Management	TNKT	3	VI	KHMI1101
39	2.4	Chuyên đề thực tập (<i>Internship Programme</i>)	TNKT	10	VIII	
	Tổng		128			

7. Mô tả các học phần

(Chương trình đào tạo ngành Kinh doanh nông nghiệp)

Stt	Học phần	Mô tả học phần
1	Triết học Mác - Lê Nin/ Marxist- Leninist Philosophy	Học phần trang bị những nội dung cơ bản của thế giới quan và phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác – Lênin trong việc nghiên cứu và học tập các môn học khác trong chương trình đào tạo cũng như các tri thức khác của nhân loại; cho việc vận dụng các tri thức của sinh viên vào đời sống thực tiễn; làm tiền đề trực tiếp để nghiên cứu các bộ phận cấu thành khác của chủ nghĩa Mác - Lênin, tiếp cận môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên, định hướng tư tưởng - chính trị trong chuyên ngành được đào tạo.

	Kinh tế chính trị Mác Lê Nin Political Economics of Marxism and Leninism	Học phần trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác-Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới, gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, kỹ năng, tư duy, phẩm chất người học, tính liên thông, khắc phục trùng lặp, tăng cường tích hợp và giảm tải, lược bớt những nội dung không còn phù hợp hoặc những nội dung mang tính kinh viện đối với các trường Cao đẳng, Đại học không chuyên lý luận. Trên cơ sở đó hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và thực tiễn cuộc sống của sinh viên sau này. Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác-Lênin đối với sinh viên. Học phần này gồm 6 chương: Trong đó Chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác- Lênin. Chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác-Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như; hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc trong nền kinh tế thị trường.; Kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế; Công nghiệp hóa, Hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.
--	---	--

3	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	Nội dung học phần gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học nhằm làm rõ quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học. Từ chương 2 đến chương 7 trình bày những vấn đề lý luận cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học như; Sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội, nghiên cứu vấn đề dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội- giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội; những vấn đề dân tộc và tôn giáo, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Communist Party History	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam là 1 trong 5 học phần thuộc khoa học Mác-Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh được giảng dạy trong hệ thống giáo dục đại học ở Việt Nam. Đây là học phần bắt buộc sinh viên phải tích lũy kiến thức. Đây là môn học quan trọng của khoa học lịch sử. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là cả một pho lịch sử bằng vàng”. Đó chính là tính khoa học, cách mạng, giá trị thực tiễn sâu sắc trong Cương lĩnh, đường lối của Đảng; là sự lãnh đạo đúng đắn, đáp ứng kịp thời những yêu cầu, nhiệm vụ do lịch sử đặt ra; những kinh nghiệm, bài học có tính quy luật, lý luận của cách mạng Việt Nam và những truyền thống vẻ vang của Đảng. Nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng không chỉ nắm vững những sự kiện, cột mốc lịch sử mà cần thấu hiểu những vấn đề phong phú đó trong quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, cách mạng xã hội chủ nghĩa, từ đó vận dụng, phát triển trong thời kỳ đổi mới toàn diện, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế hiện nay.

5	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nội dung cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng cộng sản Việt Nam trong sự nghiệp cách mạng. Học phần được kết cấu với 6 chương. Chương 1: Làm rõ khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh; Chương 2: Trình bày cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ Chương 3 đến chương 6: Trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học.
---	--	--

6	Ngoại ngữ Foreign Language	Môn Ngoại ngữ (Tiếng Anh) được thiết kế với 3 học phần. Học phần Tiếng Anh 1 nhằm mục đích trang bị các kỹ năng thực hành ngôn ngữ một cách hiệu quả trong các tình huống trong lĩnh vực kinh doanh, đặc biệt là kỹ năng giao tiếp nơi công sở và trong sinh hoạt hàng ngày. Đồng thời cũng chú trọng vào việc luyện phát âm tiếng Anh, và khả năng sử dụng bốn kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết theo trình độ tương ứng. Học phần cũng cung cấp cho người học những kiến thức, kinh nghiệm thực tế thông qua các tình huống kinh doanh có thực và thông tin hữu ích từ nhiều nguồn tài liệu đáng tin cậy. Song song với việc học trên lớp sinh viên bắt buộc phải đăng ký học thêm online với thời lượng là 26 giờ. Mỗi sinh viên có một tài khoản online được tạo vào đầu khóa học. Tương ứng với các kỹ năng và nội dung bài giảng trên lớp, sinh viên phải hoàn thành cũng bao gồm đầy đủ các phần như: Nghe, Nói, Đọc, Viết, Ngữ Pháp, Từ vựng. Mỗi kỹ năng sẽ có từ 2-3 bài tập nhỏ. Học phần Tiếng Anh 2 dành cho các sinh viên đã hoàn thành học phần Tiếng Anh giao tiếp kinh doanh 1. Khóa học nhằm mục đích trang bị các kỹ năng thực hành Tiếng Anh thông thường (General English) và Tiếng Anh học thuật (Academic English), giúp sinh viên tự tin khẳng định khả năng sử dụng Tiếng Anh trong các kỳ thi năng lực ngôn ngữ quốc tế và trong công việc, cải thiện mặt bằng trình độ tiếng Anh của sinh viên Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Học phần Tiếng Anh 3 tập trung vào việc cung cấp cho sinh viên với những kiến thức về lý thuyết, thuật ngữ và nguyên lý kinh tế cơ bản tạo nền tảng vững chắc cho sinh viên học sâu hơn về kinh tế trong những giai đoạn tiếp theo tại đại học Kinh Tế Quốc Dân. Ngoài ra trong học phần này sinh viên được cung cấp từ vựng về các chủ đề đa dạng và ngữ pháp để có thể chuẩn bị tốt cho bài thi theo định hướng IELTS và các bài thi có chứng chỉ quốc tế tương đương.
---	----------------------------------	--

7	Giáo dục Thể chất Physical Education	Giáo dục thể chất là học phần hướng tới mục tiêu rèn luyện thể chất cho sinh viên, với một hệ thống các bài tập đa dạng được chọn lọc và thực hiện với những phương pháp khoa học nhằm phát triển cơ thể một cách toàn diện, hoàn thiện khả năng vận động, củng cố và nâng cao thể chất cho người tập. Được thiết kế với nhiều nội dung, trong đó, thể dục tự do (TDTD) là một trong những nội dung thi đấu của môn thể dục dụng cụ, là môn thể thao được tổ chức thi đấu trong các kỳ đại hội TDTT và Olympic. Là môn học vừa mang tính kế thừa vừa mang tính nghệ thuật cao được nhiều người ưa thích. Bên cạnh đó là các môn thể thao tự chọn là một trong các nội dung của môn học Giáo dục Thể chất, là một hệ thống các môn học với các bài tập đa dạng được chọn lọc và thể hiện với những phương pháp khoa học nhằm phát triển cơ thể một cách toàn diện, hoàn thiện khả năng vận động, củng cố và nâng cao thể chất cho người tập Các môn thể thao tự chọn gồm 10 môn: Bóng bàn, Bóng chuyền, Bóng đá, Bóng rổ, Cầu lông, Cờ vua, Bơi lội, Karatedo, Teakwondo và Tennis. Mỗi môn học gồm 2 tín chỉ, sinh viên chọn và hoàn thành 3 trong số 10 môn thể thao tự chọn
---	---	---

8	Giáo dục Quốc phòng Military Education	Chương trình Giáo dục quốc phòng được thiết kế theo yêu cầu đào tạo của Bộ Giáo dục và đào tạo với 4 học phần, thời lượng 11 tín chỉ: Học phần 1: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam (3 tín chỉ); Học phần 2: Công tác quốc phòng, an ninh (2 tín chỉ); Học phần 3: Quân sự chung (2 tín chỉ); Học phần 4: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK và chiến thuật (4 tín chỉ). Mục tiêu của chương trình đối với sinh viên sau khi học xong chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh là có hiểu biết cơ bản về chủ trương, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội. Nắm được kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới. Thực hiện được kỹ năng cơ bản về kỹ thuật, chiến thuật quân sự cấp trung đội, biết sử dụng súng ngắn và một số loại vũ khí bộ binh thường dùng.
9	Kinh tế Vi mô 1 Microeconomic s 1	Học phần Kinh tế học Vi mô 1 được thiết kế với mục tiêu giúp người học nắm bắt được những nguyên lý kinh tế cơ bản trong Kinh tế học và Kinh tế vi mô nói riêng. Kết cấu các bài giảng được trình bày đơn giản, hiện đại. Nội dung môn học được xây dựng phù hợp với kiến thức của giai đoạn 1, đi sâu vào những khái niệm về thị trường, cung- cầu, co giãn của cầu và cung, hành vi người tiêu dùng và doanh nghiệp (Sản xuất - Chi phí - Lợi nhuận), cạnh tranh hoàn hảo và độc quyền, cung - cầu lao động, thất bại thị trường...
10	Kinh tế Vĩ mô 1 Macroeconomic s 1	Học phần Kinh tế học vĩ mô giới thiệu những nguyên lý cơ bản của kinh tế vĩ mô để giúp sinh viên hiểu được sự vận hành của nền kinh tế tổng thể. Sinh viên sẽ được giới thiệu các khái niệm cũng như nguyên lý hạch toán cơ bản về thu nhập quốc dân, chỉ số giá tiêu dùng và lạm phát, thất nghiệp, tỷ giá hối đoái và cán cân thanh toán. Ngoài ra, sinh viên cũng được tiếp cận với những mô hình đơn giản nhất giải thích sự biến động và vai trò của các chính sách kinh tế vĩ mô trong việc ổn định nền kinh tế

11	Pháp luật Đại cương Fundamentals of Laws	Học phần trang bị những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật: (1) Nguồn gốc, bản chất của nhà nước, kiểu và hình thức nhà nước trong lịch sử, nhà nước công hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, chức năng của nhà nước Việt Nam, hệ thống các cơ quan trong bộ máy nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2) Nguồn gốc của pháp luật, bản chất của pháp luật, cơ chế điều chỉnh của pháp luật đối với các quan hệ xã hội: quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; (3) Khái niệm về hình thức pháp luật, các hình thức pháp luật trên thế giới và ở Việt Nam. (4) Giới thiệu cho người học về các lĩnh vực pháp luật của Việt Nam: pháp luật hành chính và tổ tụng hành chính, pháp luật dân sự và tổ tụng dân sự; pháp luật hình sự và tổ tụng hình sự.
12	Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for Economics	Học phần nằm trong phần kiến thức đại cương của chương trình đào tạo bậc cử nhân khối ngành Kinh tế và Quản trị kinh doanh. Học phần cung cấp những nội dung cơ bản của giải tích toán học về hàm số một biến số và nhiều biến số. Học phần cũng nhằm rèn luyện khả năng tư duy, kỹ năng tính toán và nâng cao khả năng ứng dụng các kiến thức toán học vào phân tích, nghiên cứu các đối tượng kinh tế. Học phần gồm 6 chương: Chương 1, chương 2 đề cập đến giới hạn, phép tính vi phân hàm số một biến số và các ứng dụng trong phân tích kinh tế; chương 3, chương 4 trình bày các kiến thức cơ bản về hàm số nhiều biến số, cực trị của hàm số nhiều biến và các ứng dụng trong phân tích kinh tế; chương 5 trình bày về phép toán tích phân và ứng dụng; chương 6 trình bày các kiến thức cơ bản về phương trình vi phân.

13	Quản trị kinh doanh 1 Business Management 1	Quản trị kinh doanh 1 là học phần đại cương, chỉ tập trung nghiên cứu những vấn đề cơ sở về kinh doanh và quản trị kinh doanh trong nền kinh tế thị trường. Đó là những kiến thức chung nhất làm cơ sở để sinh viên có thể nghiên cứu sâu các kỹ năng cụ thể ở các học phần khác. Hai vấn đề cơ bản được nghiên cứu là kinh doanh và quản trị kinh doanh: (i) Các vấn đề chung về kinh doanh: đối tượng thực hiện hoạt động kinh doanh, các vấn đề gắn với kinh doanh, môi trường kinh doanh tác động đến hoạt động kinh doanh và hiệu quả kinh doanh. (ii) Các kiến thức quản trị kinh doanh cơ sở như khái niệm, thực chất, nguyên tắc, phương pháp quản trị; kỹ năng, nghệ thuật và phong cách của các nhà quản trị; khái niệm, cách thức, phương pháp ra quyết định và các vấn đề về cấu trúc tổ chức doanh nghiệp. Học phần Quản trị kinh doanh 1 được coi là cầu nối giữa các kiến thức lý thuyết (sinh viên đã được trang bị ở các học phần khoa học cơ bản như toán học, kinh tế học...) với các học phần khoa học trang bị các kỹ năng cụ thể cho sinh viên như khởi sự kinh doanh, chiến lược kinh doanh, quản trị tác nghiệp, quản trị chất lượng, quản trị nhân lực, quản trị hậu cần, quản trị tiêu thụ, quản trị tài chính, quản trị chi phí kinh doanh,...
----	--	---

14	Lý thuyết xác suất và thống kê toán Probability and Mathematical Statistics	Lý thuyết xác suất và thống kê toán là môn học nghiên cứu các hiện tượng ngẫu nhiên và xử lý số liệu kinh tế - xã hội trong điều kiện bất định, tức là thông tin không đầy đủ. Môn học có 2 phần tương đối độc lập về cấu trúc nhưng gắn rất chặt về nội dung. - Phần Lý thuyết xác suất nhằm phát hiện và nghiên cứu tính quy luật của các hiện tượng ngẫu nhiên. Các kiến thức về Lý thuyết xác suất là cơ sở trực tiếp cho quá trình phân tích và suy luận thống kê trong phần Thống kê toán, đồng thời trang bị cho sinh viên những kiến thức phục vụ cho các môn học khác như Kinh tế lượng, Dân số học, Xã hội học... - Phần Thống kê toán bao gồm: Cơ sở lý thuyết về mẫu ngẫu nhiên, các phương pháp trong thống kê mô tả nhằm đưa ra các đặc trưng chính của số liệu, phần thống kê suy diễn giúp đưa ra các suy diễn về tổng thể sử dụng các thông tin từ mẫu, trong đó có bài toán ước lượng tham số tổng thể và kiểm định giả thuyết thống kê.
15	Thương mại điện tử căn bản Fundamentals Electronic Commerce	Học phần Thương mại điện tử căn bản được thiết kế gồm 10 chương, với thời lượng 30 tiết lý thuyết và 15 tiết thực hành. Học phần giới thiệu một cách khái quát về các vấn đề cơ bản liên quan đến thương mại điện tử nhằm trang bị những kiến thức nền tảng về thương mại điện tử cho sinh viên.

16	Kinh tế Nông nghiệp 1 Agricultural Economics 1	Học phần Kinh tế nông nghiệp 1 là học phần của chuyên ngành Kinh doanh nông nghiệp. Sau khi trình bày tổng quan về nông nghiệp gồm: vị trí của nông nghiệp trong nền kinh tế quốc dân, đặc điểm của sản xuất nông nghiệp nói chung và của nông nghiệp Việt Nam nói riêng, phát triển nền nông nghiệp bền vững, các nội dung tiếp theo nghiên cứu trực tiếp những vấn đề kinh tế học nông nghiệp gắn với thực tiễn phát triển nông nghiệp Việt Nam, cụ thể gồm: Những cơ sở lý thuyết cơ bản về kinh tế học nông nghiệp; Thị trường và phân tích thị trường nông nghiệp; Thương mại quốc tế hàng nông sản; Hệ thống kinh tế nông nghiệp ở Việt Nam; Kinh tế sử dụng các yếu tố nguồn lực chủ yếu trong nông nghiệp; Những vấn đề về tiến bộ khoa học công nghệ trong ngành nông nghiệp với những khía cạnh khác biệt so với trong các ngành sản xuất vật chất khác của nông nghiệp nói chung và của nông nghiệp Việt Nam.
17	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	Học phần đề cập các kiến thức cơ bản của nguyên lý kế toán như: Bản chất hạch toán kế toán; nguyên tắc, khái niệm kế toán được sử dụng rộng rãi. Đối tượng của kế toán và hệ thống phương pháp hạch toán kế toán. Trên cơ sở đó học phần đề cập nguyên lý kế toán các quá trình kinh doanh cơ bản
18	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh Statistics in Economics and Business	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh là môn học có nhiệm vụ nghiên cứu những vấn đề lý luận và phương pháp luận của thống kê học; cung cấp một cách có hệ thống: các khái niệm cơ bản trong thống kê; các phương pháp điều tra thống kê nhằm thu thập thông tin ban đầu về hiện tượng nghiên cứu; các phương pháp xử lý, tổng hợp và trình bày các thông tin đã thu thập. Tiếp đó môn học cung cấp hệ thống các phương pháp phân tích làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng trong tương lai nhằm giúp cho việc ra quyết định ở tầm vi mô và vĩ mô. Hệ thống các phương pháp đó bao gồm: phương pháp mô tả và phân tích các đặc điểm của hiện tượng; các phương pháp thống kê suy luận (như ước lượng, phân tích các mối liên hệ, phân tích biến động, và dự đoán thống kê...).

19	Pháp luật kinh doanh Business Law	Những quy định pháp luật cơ bản về: Thành lập và điều hành hoạt động của doanh nghiệp; Chế độ pháp lý đối với các loại doanh nghiệp và các chủ thể kinh doanh khác; Pháp luật về hoạt động thương mại và hợp đồng kinh doanh, thương mại; Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, thương mại bằng những phương thức Trọng tài thương mại và Tòa án; Pháp luật giải quyết việc phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã.
20	Lý thuyết tài chính tiền tệ Monetary and Financial Theories	Lý thuyết tài chính tiền tệ là môn học thuộc phần kiến thức cơ sở ngành, nghiên cứu những vấn đề cơ bản về tiền tệ, lạm phát, lãi suất và hoạt động ngân hàng, về tài chính và thị trường tài chính, chính sách tiền tệ và vai trò của ngân hàng trung ương trong hoạch định và thực thi chính sách tiền tệ.
21	Kinh tế quốc tế International Economics	Học phần này nghiên cứu tầm quan trọng của kinh tế quốc tế; Nghiên cứu quá trình hình thành, phát triển và những đặc điểm mới của nền kinh tế thế giới, nội dung và tính chất của các quan hệ kinh tế quốc tế; nghiên cứu dòng vận động của các luồng hàng hóa và dịch vụ giữa một quốc gia với các quốc gia và vùng lãnh thổ khác trong nền kinh tế thế giới; nghiên cứu những chính sách thương mại quốc tế nhằm điều tiết các dòng vận động này và tác động của các chính sách đó đến phúc lợi của quốc gia.
22	Kinh doanh nông nghiệp I Business Agricultural I	Học phần kinh doanh nông nghiệp 1 là một trong những môn học cốt lõi thuộc ngành kinh doanh nông nghiệp. Học phần này cung cấp cho sinh viên ngành Kinh doanh nông nghiệp những kiến thức cơ bản và rất cụ thể về hoạt động kinh doanh nông nghiệp trong nền kinh tế quốc dân. Cụ thể đó là những kiến thức về các lý thuyết kinh doanh nông nghiệp; phương thức và các hình thức kinh doanh nông nghiệp ở thị trường trong nước và thị trường quốc tế....

23	Kinh doanh nông nghiệp II Business Agricultural II	Học phần kinh doanh nông nghiệp là một trong những môn học cốt lõi thuộc ngành kinh doanh nông nghiệp. Học phần này cung cấp cho sinh viên ngành Kinh doanh nông nghiệp những kiến thức cơ bản và rất cụ thể về hoạt động kinh doanh nông nghiệp trong nền kinh tế quốc dân. Cụ thể đó là những kiến thức về các lý thuyết kinh doanh nông nghiệp; phương thức và các hình thức kinh doanh nông nghiệp ở thị trường trong nước và thị trường quốc tế.
24	Quản trị chuỗi cung ứng kinh doanh nông nghiệp Agricultural supply chain organization and management	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Tổ chức và phân tích ngành hàng nông sản như: Nhập môn về tổ chức và phân tích ngành hàng nông sản, nội dung tổ chức ngành hàng nông sản, chuỗi giá trị và phân tích chuỗi giá trị ngành hàng nông sản và đi sâu nghiên cứu tổ chức và phân tích ngành hàng lúa gạo, và ngành hàng thủy sản. Qua môn học này sinh viên hiểu được những nội dung cơ bản về tổ chức và phân tích chuỗi giá trị ngành hàng nông sản
25	Marketing nông nghiệp Agricultural Marketing	Marketing được coi là môn khoa học của nền sản xuất hàng hóa, kinh tế thị trường. Ngày nay, marketing không chỉ còn bó hẹp trong phạm vi bán hàng, sản xuất kinh doanh mà còn được áp dụng trong các những lĩnh vực khác như: chính trị, văn hóa, xã hội... Kiến thức về marketing là không thể thiếu được trong kinh tế thị trường hiện đại. Với ý nghĩa đó, học phần marketing nông nghiệp sẽ cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản về marketing và vận dụng trong lĩnh vực đặc thù là sản xuất kinh doanh nông nghiệp. Chương 1 sẽ cung cấp đến người học những kiến thức cơ bản về marketing, marketing nông nghiệp, các chương tiếp theo sẽ đề cập đến những hợp phần của một chương trình marketing kinh doanh nông nghiệp. Những kiến thức và kỹ năng được cung cấp trong học phần này có tính thực tiễn cao đối với các nhà quản trị kinh doanh, quản lý kinh tế nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp.

26	Công nghệ Nông nghiệp 1 Agricultural Technology 1	Học phần công nghệ nông nghiệp 1 trình bày những nguyên lý cơ bản về công nghệ trong nông nghiệp. Mô tả về hệ thống các công nghệ áp dụng trong sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam và trên thế giới. Nhằm cung cấp kiến thức cho người học về một số công nghệ cơ bản về trồng trọt, chăn nuôi. Từ đó sinh viên khi ra trường có thể lựa chọn, quản lý sử dụng các công nghệ cho nông nghiệp theo hướng hiện đại, công nghệ cao từ đó giúp cho sản xuất ra các loại nông sản phẩm đạt chất lượng và hiệu quả cao theo hướng bền vững.
27	Công nghệ Nông nghiệp 2 Agricultural Technology 2	Học phần công nghệ nông nghiệp 2 trình bày những nguyên lý cơ bản về công nghệ sau thu hoạch. Mô tả về hệ thống các công nghệ áp dụng trong bảo quản, chế biến các sản phẩm nông nghiệp ở Việt Nam và trên thế giới. Nhằm cung cấp kiến thức cho người học về một số công nghệ cơ bản về công nghệ sau thu hoạch. Từ đó sinh viên khi ra trường có thể lựa chọn, quản lý sử dụng các công nghệ cho nông nghiệp theo hướng hiện đại, công nghệ cao từ đó giúp cho việc bảo quản, chế biến nông sản đạt chất lượng và hiệu quả cao theo hướng bền vững.
28	Đạo đức và trách nhiệm trong kinh doanh Nông nghiệp Business Ethics and Responsibility	Học phần cung cấp những kiến thức, kỹ năng để xem xét đạo đức và trách nhiệm của một doanh nghiệp nông nghiệp với các bên liên quan, tích hợp các khía cạnh từ việc tuân thủ pháp luật, đạo đức và trách nhiệm xã hội của Doanh nghiệp nông nghiệp. Chú trọng xem xét các khía cạnh về vai trò của doanh nghiệp nông nghiệp dẫn đến những cơ chế quản trị và vận dụng chính sách, khuyến khích hành vi đạo đức, trách nhiệm với các bên liên quan và hỗ trợ cho sự bền vững lâu dài của doanh nghiệp nông nghiệp.

29	Phân tích chính sách nông nghiệp nông thôn Rural and agricultural policy analysis	Môn phân tích chính sách nông nghiệp, nông thôn được hình thành bởi 10 chương, phân thành 2 phần có tính chất riêng biệt: Phần chung về phân tích chính sách và phần về các chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn của Việt Nam. Phần chung, giới thiệu khái quát về chính sách và phân tích chính sách; giới thiệu một số phương pháp phân tích áp dụng trong phân tích chính sách, trong đó nhấn mạnh đến phương pháp phân tích sản xuất và tiêu dùng nông sản; phương pháp phân tích ngành nông sản. Đây là phần vừa giúp cho người học hiểu được việc áp dụng các phương pháp vào phân tích chính sách và cũng là cơ sở để phân tích các chính sách cụ thể để phát triển nông nghiệp, nông thôn Việt Nam. Phần cụ thể, giáo trình giới thiệu và phân tích 7 chính sách kinh tế, xã hội chủ yếu là: Phân tích các chính sách thị trường nông sản; Phân tích chính sách đất đai trong nông nghiệp, nông thôn; Phân tích chính sách đầu tư vốn cho nông nghiệp, nông thôn; Phân tích chính sách phát triển nguồn nhân lực cho nông nghiệp, nông thôn; Phân tích chính sách khoa học và công nghệ cho nông nghiệp, nông thôn; Phân tích chính sách lương thực và Phân tích các chính sách xã hội nông thôn. Đây là những vấn đề chủ yếu và có tính cấp thiết trong nông nghiệp, nông thôn Việt Nam trong quá trình đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Môn Phân tích chính sách nông nghiệp, nông thôn có vị trí quan trọng trong hệ thống các môn chuyên ngành. Nó có tính chất kế thừa các kiến thức của các môn học cơ sở và chuyên ngành chuyên sâu của ngành kinh tế nông nghiệp. Đây là môn có tính chất nghiệp vụ, người học sẽ sử dụng kiến thức trong nhiều cương vị công tác ở Bộ và các sở, phòng ở cấp tỉnh và huyện. Đặc biệt là các doanh nghiệp, trang trại, hộ đang và sẽ tham gia vào các hoạt động kinh tế nông thôn.
----	--	--

30	Đề án môn học ngành Kinh doanh Nông nghiệp Essay on Agricultural Business	- Giúp người học nghiên cứu chuyên sâu và nắm vững những vấn đề liên quan đến nội dung kiến thức chuyên ngành - Tập dượt cho sinh viên kỹ năng chọn, thực hiện nghiên cứu vấn đề khoa học chuyên sâu, chuẩn bị cho giai đoạn thực tập và viết chuyên đề tốt nghiệp.
31	Phân tích kinh doanh Business Analysis	Môn học Phân tích kinh doanh bao gồm các nội dung phân tích quá trình cung cấp các yếu tố đầu vào, quá trình sản xuất và tiêu thụ của doanh nghiệp. Bên cạnh đó còn có các hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính, hoạt động khác. Môn học sẽ phân tích và tìm ra những điểm mạnh, điểm yếu cung cấp cho các nhà quản trị trong doanh nghiệp nâng cao kết quả và hiệu quả kinh doanh.
32	Kinh doanh quốc tế International Business	Học phần Kinh doanh quốc tế có nội dung đề cập đến hai mảng vấn đề chủ yếu sau đây. Thứ nhất, những vấn đề liên quan đến bản chất, quy mô và phạm vi của kinh doanh quốc tế, các yếu tố thuộc môi trường kinh doanh tác động đến hoạt động kinh doanh quốc tế của các doanh nghiệp. Thứ hai, những vấn đề mà các doanh nghiệp phải giải quyết khi tham gia kinh doanh quốc tế, từ lựa chọn chiến lược, cơ cấu tổ chức và phương thức kinh doanh; cho đến việc thực hiện các chức năng kinh doanh cơ bản nhà quản trị sản xuất và cung ứng vật tư, quản trị marketing, quản trị tài chính và quản trị nguồn nhân lực.
33	Tài chính doanh nghiệp	Học phần tài chính Doanh nghiệp nghiên cứu các vấn đề lý thuyết cơ bản về tài chính Doanh nghiệp: đặc điểm các nguồn vốn của doanh nghiệp, các phương thức huy động vốn, cơ cấu vốn và chi phí vốn, các quyết định đầu tư dài hạn của doanh nghiệp, phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp, các quyết định tài chính ngắn hạn của doanh nghiệp: quản lý dòng tiền vào, ra, phân tích các chính sách tín dụng thương mại của doanh nghiệp, tác động của thuế đến hoạt động tài chính doanh nghiệp

34	Marketing công nghệ số Digital Marketing	Ngày nay Internet và các thiết bị số kết nối và chia sẻ dữ liệu số trên nền tảng Digital, nó đã làm thay đổi nhiều mặt trong đời sống xã hội nói chung và các hoạt động kinh doanh nói riêng. Các doanh nghiệp hiện nay đang khai thác, vận dụng công nghệ số, không chỉ trong sản xuất mà trong hầu hết tất cả các hoạt động marketing và bán hàng, từ khâu nghiên cứu thị trường, phát triển sản phẩm, thiết kế bao gói, tổ chức điểm bán, định giá, cho đến truyền thông cho sản phẩm, xây dựng thương hiệu và phát triển mối quan hệ với khách hàng... Môn học này tập trung giới thiệu các kiến thức, kỹ năng và các công cụ cơ bản của việc làm marketing trong nền tảng công nghệ số.
35	Kinh tế tài nguyên Natural Resources Economics	Học phần Kinh tế Tài nguyên gồm 2 phần: phần 1 đi vào giới thiệu những vấn đề chung về kinh tế tài nguyên, phần 2 giới thiệu về giá trị kinh tế của một số loại tài nguyên thiên nhiên chủ yếu như: đất, nước, biển, thủy hải sản, khoáng sản... đối với các hoạt động kinh tế và quá trình phát triển kinh tế xã hội; nguyên lý khai thác tài nguyên thiên nhiên (mô hình khai thác tài nguyên tái tạo và tài nguyên không tái tạo)

36	Kinh tế học biến đổi khí hậu Climate Change Economics	Biến đổi khí hậu, mà nguyên nhân chính là do gia tăng lượng phát thải các khí gây hiệu ứng nhà kính từ các hoạt động kinh tế của con người, được coi là một trong những thách thức lớn nhất của nhân loại trong thế kỷ 21. Biến đổi khí hậu gây ảnh hưởng lớn đến tăng trưởng và phát triển của các quốc gia. Không một quốc gia nào tránh được những tác động của biến đổi khí hậu và không một quốc gia nào có thể một mình đương đầu với những thách thức do biến đổi khí hậu gây ra. Cuộc chiến chống biến đổi khí hậu toàn cầu đòi hỏi những hành động khẩn cấp trên phạm vi toàn cầu trên cả hai phương diện: giảm nhẹ biến đổi khí hậu và thích ứng với biến đổi khí hậu. Học phần Kinh tế học Biến đổi khí hậu cung cấp các kiến thức về nguyên nhân, hậu quả và các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu trên quan điểm kinh tế và cách tiếp cận toàn cầu. Học phần tập trung vào các nội dung chính như: giải thích tính toàn cầu của biến đổi khí hậu, phân tích các khía cạnh kinh tế của biến đổi khí hậu, trình bày kinh tế học giảm nhẹ biến đổi khí hậu và kinh tế học thích ứng với biến đổi khí hậu, phân tích các chính sách biến đổi khí hậu, giới thiệu các công cụ phân tích kinh tế đối với biến đổi khí hậu và thảo luận về các hành động quốc tế về biến đổi khí hậu. Các nội dung trên được trình bày trên cả phương diện lý luận và thực tiễn, bao gồm thực tiễn ở cấp quốc gia, khu vực và toàn cầu.
----	--	--

37	Quản lý Nhà nước về đất đai 1 Land Administration 1	Học phần nghiên cứu các quan hệ kinh tế, xã hội phát sinh trong quá trình quản lý Nhà nước về đất đai và bất động sản. Học phần sẽ cung cấp những kiến thức về các nội dung cơ bản, nguyên tắc, phương pháp, các công cụ sử dụng và tổ chức bộ máy trong quản lý Nhà nước về định hướng phát triển đất đai và các chương trình đầu tư phát triển BĐS. Người học sẽ được trang bị các nội dung cơ bản như cơ cấu tổ chức bộ máy, phân công, phân cấp và chức năng hoạt động giữa các bộ phận trong bộ máy quản lý đất đai và BĐS. Học phần sẽ đi vào phân tích các vấn đề liên quan đến quản lý quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất và xây dựng công trình BĐS; Những vấn đề liên quan đến giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất và thu hồi đất; Các chính sách tài chính trong quá trình phát triển đất đai và đầu tư phát triển BĐS. Học phần cũng đề cập đến chế độ sử dụng các loại đất đai khác nhau, qui định trách nhiệm và quyền lợi của người sử dụng đất đai. Đồng thời qui định rõ trách nhiệm, quyền hạn và các nội dung liên quan đến thanh tra, kiểm tra và giải quyết khiếu nại tố cáo trong sử dụng đất đai và xây dựng công trình BĐS. Học phần cũng sẽ giúp người học nắm được các qui định của Nhà nước trong quản lý các giao dịch trên thị trường cũng như các dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động của thị trường BĐS như qui định trong hoạt động định giá, môi giới, sàn...nhằm tạo điều kiện cho thị trường BĐS phát triển một cách lành mạnh.
38	Kinh doanh Logistic Logistic Business	Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho người học những nội dung quan trọng liên quan đến tổ chức và quản trị hoạt động kinh doanh logistics trong chuỗi cung ứng sản phẩm, dịch vụ, bao gồm: • Logistics và Kinh doanh logistics trong nền kinh tế thị trường; • Tổ chức và quản trị kinh doanh các dịch vụ logistics cơ bản trong chuỗi cung ứng: kho hàng, bao gói hàng hóa, giao nhận, vận tải hàng hóa, dịch vụ khách hàng và hệ thống thông tin logistics...; Tổ chức và quản trị kinh doanh các loại hình kinh doanh và doanh nghiệp logistics và trung tâm logistics trong chuỗi cung ứng.

39	Giao dịch và đàm phán kinh doanh Business communication and negotiation	Học phần “Giao dịch và đàm phán kinh doanh” bao gồm những nội dung kiến thức cơ bản về giao dịch kinh doanh; về yếu tố tâm lý, văn hóa trong giao dịch và đàm phán kinh doanh. Đồng thời học phần cũng trang bị kiến thức về kỹ năng đàm phán kinh doanh thành công; về nội dung tổ chức đàm phán kinh doanh: từ hoạt động chuẩn bị đàm phán, tiến hành đàm phán và ra quyết định kết thúc đàm phán; về cơ sở pháp lý của giao dịch và đàm phán kinh doanh. Đây là những kiến thức cơ bản giúp cho các doanh nghiệp thành công trong hoạt động kinh doanh của mình.
40	Kế hoạch kinh doanh	Môn học này nghiên cứu những vấn đề lý thuyết tổng quan về công tác kế hoạch trong doanh nghiệp, nghiên cứu các qui trình, phương pháp lập các kế hoạch trong doanh nghiệp, đồng thời hệ thống hóa các vấn đề nghiệp vụ trong lập kế hoạch của doanh nghiệp. Nội dung học phần được kết cấu thành các phần chính như sau: Phần những vấn đề lý luận cơ bản về kế hoạch hóa trong doanh nghiệp (chương 1) trình bày về sự cần thiết của kế hoạch trong kinh doanh, các nguyên tắc của lập kế hoạch trong doanh nghiệp, qui trình lập và tổ chức thực hiện kế hoạch trong doanh nghiệp. Phần các kế hoạch kinh doanh cụ thể của doanh nghiệp (từ chương 2 đến chương 5) trình bày cụ thể về qui trình, nội dung và phương pháp lập các kế hoạch tác nghiệp cho các chức năng cơ bản trong doanh nghiệp, trong đó bao gồm kế hoạch marketing, sản xuất, nhân sự và tài chính. Các ví dụ và bài tập cũng được giới thiệu trong nội dung này để sinh viên làm quen với các nghiệp vụ thực tế.

41	Thị trường nông sản thế giới International trade on agricultural product	Học phần Thị trường nông sản thế giới là học phần tự chọn trong chuyên ngành Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn. Học phần giới thiệu cho sinh viên kiến thức cơ bản về chức năng, đặc điểm của thị trường nông sản thế giới, về các cam kết quốc tế trong thương mại hàng nông sản trong điều kiện hội nhập kinh tế toàn cầu. Học phần cũng giới thiệu bức tranh tổng quát về tình hình thị trường (cung, cầu, giá cả) và xu hướng phát triển thị trường một số loại nông sản chính mà Việt Nam có lợi thế trong thương mại quốc tế như gạo, thủy sản, rau quả và một số sản phẩm cây công nghiệp như cà phê, chè, hồ tiêu, cao su...
42	Thị trường bất động sản Real Estate Market	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về sự vận động và phát triển thị trường bất động sản, quan hệ cung cầu và sự tác động của chúng đối với giá cả bất động sản; Phân tích xu hướng biến động cung, cầu và giá cả bất động sản, cơ chế cân bằng cung cầu và cơ chế hình thành giá cả bất động sản. Học phần trang bị cho người học kỹ năng phân tích sâu về thị trường bất động sản với các phương pháp, các bước tiến hành phân tích, cơ chế vận hành với những tình huống cụ thể; cung cấp cho người học cơ sở khoa học để xây dựng hệ thống chỉ số đánh giá thị trường bất động sản, là cơ sở để dự báo xu hướng vận động, phát triển của thị trường bất động sản. Đồng thời, học phần cũng nghiên cứu các công cụ quản lý của nhà nước để khắc phục những khiếm khuyết và điều tiết thị trường bất động sản, trang bị cho người học kiến thức về hệ thống chính sách nhằm phát triển thị trường bất động sản ở Việt Nam

43	Quản trị thương hiệu Brand Management	Quản trị Thương hiệu là học phần thuộc nhóm kiến thức ngành Marketing trong chương trình đào tạo đại học Ngành Marketing. Mục đích của học phần: cung cấp tư duy hiện đại về quản trị thương hiệu, xây dựng hình ảnh công ty qua thương hiệu, cung cấp khả năng ra các quyết định về marketing liên quan đến thương hiệu. Ngoài ra, trong học phần này còn đề cập đến nội dung bảo vệ thương hiệu, quyền bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với thương hiệu. Nội dung học phần: giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị thương hiệu như: khái niệm, bản chất thương hiệu, đặc tính và nhận diện thương hiệu, định vị và hình ảnh thương hiệu. Trang bị cho sinh viên những kiến thức về xây dựng và phát triển thương hiệu trên thị trường, đặc biệt là những nguyên tắc xây dựng và phát triển thương hiệu trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.
44	Du lịch sinh thái Eco - tourism	Học phần đề cập tới những nội dung cơ bản nhất của du lịch sinh thái (DLST), đó là : xu hướng phát triển của du lịch và lịch sử phát triển của DLST; các khái niệm cơ bản liên quan tới DLST; vai trò của DLST đối với phát triển bền vững; các tính chất cơ bản của DLST; vai trò của các tổ chức cá nhân đối với DLST; mô hình marketing định hướng cung trong kinh doanh DLST và một số mô hình trong quản lý DLST.

45	Khởi nghiệp kinh doanh nông nghiệp Agricultural business Entrepreneurship	Khởi nghiệp kinh doanh là bước khởi đầu đầy khó khăn đối với mỗi doanh nghiệp thuộc bất kỳ lĩnh vực nào đặc biệt với lĩnh vực đặc thù kinh doanh nông nghiệp. Học phần khởi nghiệp kinh doanh nông nghiệp được đặt trong mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với hệ thống các môn học trong khung chương trình đào tạo ngành kinh doanh nông nghiệp. Học phần Khởi nghiệp kinh doanh nông nghiệp trang bị những kiến thức cần thiết, các kỹ năng cơ bản nhất để sinh viên ngành kinh doanh nông nghiệp có thể tự mình khởi sự kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp cũng như ở các lĩnh vực khác
46	Dự án đầu tư kinh doanh nông nghiệp Agribusiness Investment Project	Học phần Dự án đầu tư kinh doanh nông nghiệp được giảng dạy nhằm trang bị cho sinh viên chuyên ngành những kiến thức, phương pháp và kỹ năng cần thiết để lập và quản lý dự án đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp. Môn học có quan hệ trực tiếp, chặt chẽ và là sự bổ sung kiến thức cần thiết cho các môn học chuyên ngành khác như: Kinh doanh nông nghiệp 1,2; Khởi nghiệp kinh doanh nông nghiệp; Marketing nông nghiệp; Quản trị rủi ro; Quản lý trang trại... Học phần đề cập chủ yếu các vấn đề về vai trò, đặc điểm và kết cấu của dự án đầu tư kinh doanh nông nghiệp; kỹ năng nghiên cứu thị trường và phát hiện cơ hội đầu tư kinh doanh; kỹ năng lựa chọn loại hình tổ chức kinh doanh, lựa chọn công nghệ, quy trình và phương pháp sản xuất- bảo quản và chế biến nông sản; kỹ năng dự toán vốn đầu tư, phân tích hiệu quả và ra quyết định đầu tư kinh doanh; kỹ năng quản lý thực hiện dự án đầu tư kinh doanh.

47	Quản trị kinh tế hộ và trang trại Farm economics and management	Trang trại là hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh cơ sở trong nông nghiệp, có mục đích chủ yếu là sản xuất hàng hóa, quy mô lớn, dựa trên trình độ quản lý tiên bộ và gắn với thị trường. Do vậy để trang trại hoạt động đạt hiệu quả cao, chủ trang trại, người quản lý cần được trang bị những kiến thức và kỹ năng về quản lý trang trại nhất là trong điều kiện kinh tế thị trường phát triển, hội nhập kinh tế quốc tế, xu thế phát triển của nông nghiệp ngày càng hiện đại, thông minh hơn và điều kiện tự nhiên biến đổi theo hướng ngày càng bất lợi.
48	Quản trị chiến lược Strategy Management	Quản trị chiến lược là học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận và phương pháp hoạch định chiến lược cho các doanh nghiệp và các tổ chức trong điều kiện kinh tế hiện nay. Đây là học phần lựa chọn của ngành đào tạo. Học phần này cung cấp những kiến thức và phương pháp phân tích môi trường bên ngoài nhằm xác định cơ hội, đe dọa, phân tích, đánh giá môi trường bên trong nhằm xác định điểm mạnh, điểm yếu của doanh nghiệp. Học phần cũng giới thiệu một số công cụ cơ bản trong việc hình thành chiến lược cạnh tranh phù hợp cho doanh nghiệp. Từ đó, tổ chức thực hiện và đánh giá chiến lược.
49	Quy hoạch phát triển nông thôn Rural Development Planning	Môn quy hoạch và phát triển nông thôn là học phần tự chọn chuyên sâu của chuyên ngành Kinh doanh nông nghiệp. Sau khi trình bày những vấn đề lý thuyết cơ bản về quy hoạch phát triển nông thôn, và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội nông thôn, các nội dung tiếp theo nghiên cứu quy hoạch phát triển nông nghiệp, quy hoạch phát triển công nghiệp nông thôn, quy hoạch phát triển dịch vụ nông thôn, quy hoạch phát triển văn hóa xã hội- môi trường nông thôn và quản lý thực hiện quy hoạch phát triển nông thôn.

50	Quản trị rủi ro Risk Management	Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới có nhiều biến động, quản trị rủi ro tài chính đang trở thành một yêu cầu cấp thiết đối với nhiều tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong mọi lĩnh vực kinh tế, xã hội và đặc biệt quan trọng đối với các định chế tài chính. Quản trị rủi ro tài chính hiệu quả giúp các định chế tài chính hoạt động ổn định và bền vững, đồng thời giúp các tổ chức này chủ động tránh hoặc giảm thiểu những tổn thất tiềm năng trong quá trình hoạt động kinh doanh. Môn học này trình bày những nội dung cơ bản của quản trị rủi ro tài chính bao gồm: Nhận diện rủi ro tài chính; Phân loại và đo lường các loại rủi ro tài chính; Đánh giá và kiểm soát rủi ro tài chính trong các định chế tài chính.
51	Tiếng anh ngành Nông nghiệp English for Agricultural	Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản và vốn từ vựng liên quan đến ngành Nông nghiệp nói chung và chuyên ngành liên quan (Kinh tế nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Quản trị kinh doanh nông nghiệp, Kinh doanh nông nghiệp...); củng cố lại những kiến thức về ngữ pháp cơ bản và giúp sinh viên tiếp tục phát triển bốn kỹ năng: Nghe. Nói Đọc, Viết. Bên cạnh đó cũng giúp củng cố những kiến thức ngành Kinh tế Nông nghiệp, cập nhật những kiến thức liên quan đến ngành trên phạm vi thế giới và ở Việt Nam. Từ đó, sinh viên sẽ có vốn từ chuyên ngành, kiến thức chuyên ngành và những kỹ năng giao tiếp cơ bản cho nghề nghiệp. Vận dụng kiến thức học phần có thể viết được báo cáo ngành bằng tiếng anh, phát triển kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm.
52	Quản trị kinh doanh nông nghiệp Agricultural Business Management	Môn học quản trị kinh doanh nông nghiệp là một trong những môn học tự chọn thuộc ngành kinh doanh nông nghiệp. Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và rất cụ thể về tổ chức, quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của các cơ sở kinh doanh nông nghiệp. Đó là những kiến thức chung về tổ chức các loại hình kinh doanh nông nghiệp. Những kiến thức về xác định phương hướng sản xuất kinh doanh và quy mô kinh doanh và kế hoạch sản xuất kinh doanh, những kiến thức về tổ chức quản lý các yếu tố tổ sản xuất, những kiến thức về tổ chức tiêu thụ sản phẩm, về quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh trong cơ sở kinh doanh nông nghiệp.

53	Chuyên đề thực tập (Internship Programme)	Chuyên đề thực tập là công trình nghiên cứu độc lập của sinh viên, giúp đánh giá kiến thức, năng lực của sinh viên đã tích lũy trong suốt thời gian học tập và khả năng ứng dụng vào thực tế. Học phần “Chuyên đề thực tập” yêu cầu sinh viên đến thực tập tại một doanh nghiệp/tổ chức cụ thể trong thời gian ít nhất 12 tuần. Sinh viên cần chọn một vấn đề liên quan tới thực tiễn kinh doanh nông nghiệp của tổ chức đó; nghiên cứu, tìm hiểu thực trạng vấn đề và các yếu tố ảnh hưởng đến các giải pháp giải quyết vấn đề, từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp. Chủ đề được lựa chọn có thể liên quan tới nghiên cứu kinh doanh nông nghiệp, lập phương án kinh doanh, phát hiện xu hướng thay đổi của nhu cầu thị trường sản phẩm nông sản. Phạm vi nghiên cứu có thể gắn với một sản phẩm nông nghiệp, một loại hình tổ chức kinh doanh nông nghiệp (doanh nghiệp, trang trại)... hoặc một vấn đề về marketing nông sản, bán hàng, lập dự án, kênh phân phối hay quản trị lực lượng bán hàng, quản trị chuỗi cung ứng v.v. của các doanh nghiệp nông nghiệp. Trong suốt quá trình thực tập, sinh viên làm việc dưới sự hướng dẫn của giảng viên và sự chỉ đạo, hướng dẫn của cán bộ hướng dẫn tại doanh nghiệp.
----	--	--

54	Chương trình đào tạo tin học theo chuẩn IC3	Cùng với sự phát triển của khoa học công nghệ thì việc biết sử dụng máy tính và Internet là một trong những nhu cầu thiết yếu của mỗi người. Đặc biệt, khi cuộc cách mạng công nghệ 4.0 đang bao phủ toàn thế giới thì nhu cầu đó đã trở thành một yêu cầu cho mỗi người. Để đánh giá khả năng sử dụng máy tính và Internet, IC3 là một trong những tiêu chuẩn đã được ra đời để thực hiện điều đó. Với vị thế là một chứng chỉ mang tầm quốc tế, IC3 cung cấp những tiêu chuẩn đánh giá chính xác, phù hợp với trình độ phát triển của máy tính và Internet. Sinh viên đại học hệ chính quy được công nhận đạt chuẩn đầu ra tin học của trường Đại học Kinh tế Quốc dân khi đạt Chứng chỉ tin học quốc tế IC3 (Internet and Computing Core Certification) do tổ chức Certiport của Mỹ cấp. Để được cấp chứng chỉ IC3, thí sinh phải thi đạt cả 3 nội dung: Máy tính căn bản, Phần mềm máy tính và cuộc sống trực tuyến. Nhà trường có tổ chức các khóa học và cấp chứng chỉ cho sinh viên làm điều kiện để ra trường. Nhà trường có Quyết định số 632/QĐ-ĐHKTQD ngày 4/5/2018 về việc ban hành quy định về chuẩn đầu ra tin học trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân áp dụng từ khóa 59 (tuyển sinh năm 2017) trở đi. Khóa 61 tuyển sinh năm 2019 vẫn áp dụng Quyết định này.
----	---	--

8. Ma trận liên kết các học phần và chuẩn đầu ra (PLOs) ngành Kinh doanh nông nghiệp

Bảng 3. Ma trận liên kết các học phần và chuẩn đầu ra (PLOs)

TT	Học phần	Mã HP	Số TC	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15
1	Triết học Mác - Lê Nin/ Marxist-Leninist Philosophy	LLNL1105	3	3										3				
2	Kinh tế chính trị Mác Lê Nin Political Economics of Marxism and Leninism	LLNL1106	2	3										3				
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	LLNL1107	2	3										3				
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Communist Party History	LLSD1102	2	3		3												
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	LLDL1101	2	3		3												
6	Ngoại ngữ Foreign Language	NNKC	9											4	4			3
7	Giáo dục Thể chất Physical Education	GDTC	4			3												
8	Giáo dục Quốc phòng Military Education	GDQP	11			3								2				
9	Kinh tế Vi mô 1 Microeconomics 1	KHMI1101	3		3			3						2				3
10	Kinh tế Vĩ mô 1 Macroeconomics 1	KHMA1101	3		3				3					2				3
11	Pháp luật Đại cương Fundamentals of Laws	LUCS1129	3	3										3		3		

TT	Học phần	Mã HP	Số TC	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15
12	Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for Economics	TOCB1110	3		3							3		3				3
13	Quản trị kinh doanh 1 Business Management 1	QTTH1102	3					3	3					3	3			
14	Lý thuyết xác suất và thống kê toán Probability and Mathematical Statistics	TOKT1106	3		3					3	3	3		3		3		3
15	Thương mại điện tử căn bản Fundamentals Electronic Commerce	TMQT1132	3		3									3				
16	Kinh tế Nông nghiệp 1 Agricultural Economics 1	TNKT1116	3				3		3	3						3		3
17	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	KTKE1101	3		3		3			3		3						
18	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh Statistics in Economics and Business	TKKD1129	3		3		3					3		3				3
19	Pháp luật kinh doanh Business Law	LUKD1118	3				3		3		3					3		
20	Lý thuyết tài chính tiền tệ Monetary and Financial Theories	NHLT1107	3		3						3		3					
21	Kinh tế quốc tế International Economics	TMKQ1123	3		3				3				3			3		
22	Kinh doanh nông nghiệp I Business Agricultural I	TNKT	3				3	3		3	3		3	3		3	4	3

TT	Học phần	Mã HP	Số TC	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15
23	Kinh doanh nông nghiệp II Business Agricultural II	TNKT	3					3		3	3		3	3		3	4	3
24	Quản trị chuỗi cung ứng kinh doanh nông nghiệp Agribusiness Supply Chain Management	TNKT	3							3	3		3	3			3	3
25	Marketing nông nghiệp Agricultural Marketing	TNKT1130	3				3			3	3		3	3			3	3
26	Công nghệ Nông nghiệp I Agricultural Technology I	TNKT	3				3		3				3	3			3	
27	Công nghệ Nông nghiệp II Agricultural Technology II	TNKT	3				3		3				3	3			3	
28	Đạo đức và trách nhiệm trong kinh doanh Nông nghiệp Ethics and Responsibility in Agricultural Business	TNKT	3				3			3		3	3			3	3	
29	Phân tích chính sách nông nghiệp nông thôn Rural and agricultural policy analysis	TNKT1116	3							3	3		3	3			3	3
30	Đề án môn học ngành Kinh doanh nông nghiệp Essay on Agricultural Business	TNKT	3				3	3	3	3		4	4	4		3	4	3
31	Phân tích kinh doanh Business Analysis	KTQT1107	3				3			3		3				3		
32	Kinh doanh quốc tế International Business	TMKD1128	3					3		3		3						3

TT	Học phần	Mã HP	Số TC	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15
33	Tài chính doanh nghiệp 1	TCNH 1104	3						3		3		3					
34	Marketing công nghệ số Digital Markeing	MKBH1116	3				3			3				3				3
35	Kinh tế tài nguyên Natural Resources Economics	TNTN1135	3						3		3		3				3	
36	Kinh tế học biến đổi khí hậu Climate Change Economics	MTKH1103	3						3		3		3				3	
37	Quản lý Nhà nước về đất đai 1 Land Administration 1	TNDC1130	3		3								3	3		3		3
38	Kinh doanh Logistics Logistics Business	TMKT1121	3				3			3		3		3				
39	Giao dịch và đàm phán kinh doanh Business Communication and Negotiation	TMKT1134	3				3	3								3		3
40	Kế hoạch Kinh doanh Business Planning	KHPT 1109	3					3		3		3		3		3		
41	Thị trường nông sản thế giới International trade on agricultural product	TNKT1128	3				3			3	3						3	3
43	Thị trường BĐS Real Estate Market	BDKT1130	3						3		3		3					
44	Quản trị thương hiệu Brand management	MKTT1114	3				3			3		3		3		3		

TT	Học phần	Mã HP	Số TC	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15
45	Du lịch sinh thái Ecotourism	DLLH1130	3						3		3		3	3			3	
46	Khởi nghiệp kinh doanh nông nghiệp AgriBusiness Entrepreneurship	TNKT	3						3	3	3		3	3		3	4	3
47	Dự án đầu tư kinh doanh nông nghiệp Agribusiness Investment Project	TNKT	3					3	3		3	3	3				3	3
48	Quản trị kinh tế hộ và trang trại Household Economics and Farm Management	TNKT	3					3	3	3	3	3					3	3
49	Quản trị chiến lược Strategic Management	QTKD1103	3					3		3	3		3				3	3
50	Quy hoạch phát triển nông thôn Rural Development Planning	TNKT1144	3		3							3	3			3		
51	Quản trị rủi ro Risk Management	NHTM 1114	3				3			3	3	3					3	3
52	Tiếng anh ngành nông nghiệp English for Agricultural	TNKT	3					3						3	4			3
53	Quản trị kinh doanh nông nghiệp Agricultural Business Management	TNKT	3					3	3		3		3	3			3	3

TT	Học phần	Mã HP	Số TC	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15
54	Chuyên đề thực tập (Internship Programme)	TMKT	10					4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
55	Chương trình đào tạo tin học theo chuẩn IC3													3	3			

9. Thời điểm điều chỉnh Chương trình đào tạo: tháng 04 năm 2021

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG KHOA

PGS.TS Phạm Hồng Chương

PGS.TS Ngô Thị Phương Thảo